

Câu 1. THAO TÁC BẢNG

Cho một bảng các số nguyên dương gồm n dòng m cột ($1 \leq n, m \leq 500$). Một thao tác trên bảng được định nghĩa như sau: chọn một số bất kì trong bảng và tăng giá trị của số đó lên 1. Một số có thể được chọn để thực hiện thao tác trên nhiều hơn 1 lần.

Người ta định nghĩa một bảng là có tính nguyên tố nếu thỏa mãn một trong hai điều kiện sau:

- Trong bảng tồn tại một hàng bất kì mà tất cả các số trong hàng đều là số nguyên tố.
- Trong bảng tồn tại một cột bất kì mà tất cả các số trong cột đều là số nguyên tố.

Yêu cầu: Tìm số thao tác biến đổi ít nhất để bảng ban đầu thành bảng có tính nguyên tố.

Dữ liệu vào cho từ tệp **BNT.INP** gồm:

- Dòng 1 gồm 2 số n, m tương ứng là số dòng và số cột của bảng
- N dòng sau, mỗi dòng gồm m số nguyên dương có giá trị $\leq 10^6$ là các số trong bảng ban đầu. Các số trên một dòng cách nhau một dấu cách.

Dữ liệu ra ghi ra tệp **BNT.OUT** gồm:

- Một số duy nhất là số thao tác ít nhất cần biến đổi để bảng ban đầu có tính nguyên tố.

Ví dụ:

| BNT.INP | BNT.OUT |
|-----------|---------|
| 1 1 14 | 3 |

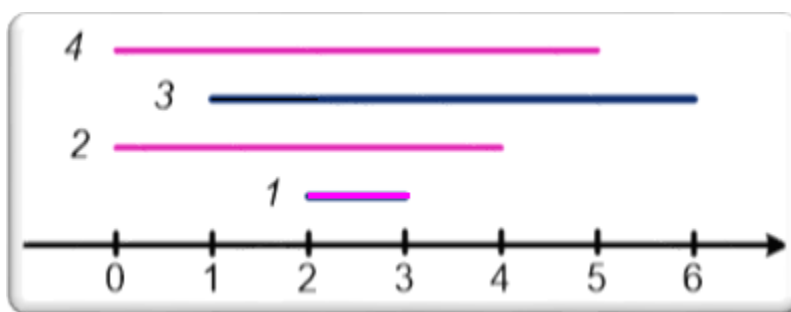
Ràng buộc:

- 50% số test ứng với 50% số điểm của bài có $n \leq 50$

Câu 2. ĐOẠN THẲNG

Cho n đoạn thẳng $[a_i, b_i]$ nằm trên một trục đường thẳng ($a_i < b_i, |a_i|, |b_i| \leq 10^6, i = 1 \div n, 1 \leq n \leq 10^5$). Nói đoạn thẳng thứ i nằm trực tiếp trong đoạn thẳng thứ j (hay đoạn thẳng j trực tiếp chứa đoạn i) nếu nó thuộc hoàn toàn đoạn thẳng thứ j , tức là $a_j \leq a_i$ và $b_i \leq b_j$.

ui



Yêu cầu: Tìm một dãy dài nhất các đoạn thẳng khác nhau trong dãy ban đầu sao cho từ đoạn thứ hai trong dãy tìm được, mỗi đoạn chứa trực tiếp một đoạn khác.

Dữ liệu vào từ tệp văn bản **DOANTHANG.INP** gồm:

- Dòng đầu tiên chứa số nguyên n
- Dòng thứ i trong n dòng sau chứa 2 số nguyên a_i và b_i .

Dữ liệu ra ghi ra tệp văn bản **DOANTHANG.OUT** gồm:

- Một số nguyên duy nhất là độ dài dãy tìm được.

Ví dụ:

| DOANTHANG.INP | DOANTHANG.OUT | Giải thích |
|---|---------------|---|
| 4 2 3 0 4 1 6 0 5 | 3 | <i>Giải thích ví dụ: Dãy con tìm được gồm 3 đoạn: (2,3); (0,4) và (0,5).</i> |
| 6 2 10 6 9 1 2 7 8 1 8 8 10 | 3 | <i>Giải thích ví dụ: Dãy con tìm được gồm 3 đoạn: (7,8); (6,9) và (2,10).</i> |

Ràng buộc:

- Có 30% số test tương ứng 30% số điểm có $n \leq 20$
- Có 30% số test tương ứng 30% số điểm có $n \leq 10^4$
- Có 40% số test tương ứng 40% số điểm có $n \leq 10^5$

Câu 3. HÀNH TRÌNH

Ở một nơi rất xa có một quần đảo gồm có n hòn đảo được đánh số từ 1 đến n . Có m tuyến đường biển để đi lại hai chiều giữa các đảo, tuyến đường thứ i nối hai đảo khác nhau u_i, v_i ($1 \leq u_i, v_i \leq n$) và mất t_i đơn vị thời gian để đi hết nó.

Để đi lại giữa các đảo, chúng ta sử dụng tàu thủy có độ dày thân tàu là k cm. Mỗi khi tàu đi hết tuyến đường i , thân tàu bị làm mòn h_i cm. Như vậy, để đi từ đảo A đến đảo B với tàu thủy có độ dày thân tàu là k cm bằng các tuyến đường thì tổng độ làm mòn thân tàu trên các tuyến đường mà nó đi qua phải nhỏ hơn k .

Yêu cầu: cho trước hai hòn đảo A và B ($1 \leq A, B \leq n, A \neq B$). Tìm đường đi cho con tàu khi đi từ đảo A tới đảo B có tổng thời gian là ít nhất (thỏa mãn có tổng độ làm mòn thân tàu khi đi trên đường đi này nhỏ hơn k).

Dữ liệu vào cho trong tệp **HANHTRINH.INP** gồm:

- Dòng thứ nhất gồm 3 số nguyên k, n, m ($1 \leq k \leq 200, 2 \leq n \leq 10000, 1 \leq m \leq 100000$), mỗi số cách nhau một dấu cách.
- Dòng thứ i trong m dòng tiếp theo, mỗi dòng chứa 4 số nguyên u_i, v_i, t_i và h_i ($1 \leq u_i, v_i \leq n, u_i \neq v_i, 1 \leq t_i \leq 10^5, 0 \leq h_i \leq 200$) thể hiện đi lại trên tuyến đường thứ i nối hai đảo u_i, v_i mất t_i đơn vị thời gian và độ làm mòn thân tàu khi đi trên nó là h_i , mỗi số cách nhau một dấu cách.
- Dòng cuối cùng chứa hai số nguyên A và B ($1 \leq A, B \leq n, A \neq B$)

Dữ liệu ra ghi ra tệp **HANHTRINH.OUT** gồm:

- Một số nguyên duy nhất là thời gian ít nhất khi đi từ đảo A tới đảo B thỏa mãn yêu cầu trên hoặc đưa ra -1 nếu không có cách đi từ đảo A tới đảo B.

Ví dụ:

| HANHTRINH.INP | HANHTRINH.OUT |
|---------------|---------------|
| 10 4 7 | 7 |
| 1 2 4 4 | |
| 1 3 7 2 | |
| 3 1 8 1 | |
| 3 2 2 2 | |
| 4 2 1 6 | |
| 3 4 1 1 | |
| 1 4 6 12 | |
| 1 4 | |
| | |

Ràng buộc:

- Có 50% số test tương ứng 50% số điểm có $K = 1, N \leq 2000$
- Có 25% số test tương ứng 25% số điểm có $N \leq 2000$
- Có 25% số test tương ứng 25% số điểm có $N \leq 10000$